

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Khí cụ điện (22829401)

Ngày thi: 09/11/2023

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

ĐS Phụng Nghi
Nguyễn Ngọc Anh
Trần Văn Thuận
Hầu Ngọc Thị Hạnh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123050046	Nguyễn Văn Bắc	15/02/2005	CCQ2305A	885	Bắc	8,8	7,4	8,0
2	2123050061	Huỳnh Dương Bình	08/04/2004	CCQ2305B	757	Bình	8,5	4,6	6,1
3	2123050060	Lê Văn Cang	19/08/2005	CCQ2305B	609	Cang	8,8	5,7	7,0
4	2123050044	Lê Thế Chung	07/08/2005	CCQ2305A	532	Chung	8,2	4,7	6,1
5	2123050188	Châu Du Dân	18/05/2005	CCQ2305A	885	Dân	5,3	5,1	5,2
6	2120050099	Mai Hồng Đăng	05/11/2002	CCQ2005C			0		
7	2123050054	Nguyễn Lộc Ngọc Đăng	24/07/2005	CCQ2305B	532	Đăng	7,2	5,0	5,9
8	2123050084	Lê Văn Danh	10/11/1997	CCQ2305B	609	Danh	8,2	5,0	6,3
9	2123050072	Võ Quang Đạt	01/11/2005	CCQ2305B	757	Dat	7,2	7,9	7,6
10	2123050184	Tô Tiên Dũng	25/09/2005	CCQ2305A	532	Dung	5,2	3,7	4,3
11	2123050036	Nguyễn Quốc Duy	11/02/2005	CCQ2305A	609	Duy	8,3	7,1	7,6
12	2123050019	Nguy Thành Giảng	01/05/2005	CCQ2305A	757	Giảng	9,1	9,0	9,1
13	2123050058	Bùi Minh Hải	07/10/2005	CCQ2305B	532	Hai	7,7	4,1	5,5
14	2123050155	Đinh Long Hồ	16/07/2005	CCQ2305B			0		
15	2123050008	Nguyễn Thái Hòa	02/06/2005	CCQ2305A	757	Hoa	8,7	8,4	8,5
16	2123050082	Phan Hữu Hội	21/09/2005	CCQ2305B	609	Hoi	8,4	7,3	7,7
17	2123050010	Nguyễn Thế Hùng	24/04/2004	CCQ2305A	532	Hung	6,7	5,0	5,7
18	2123050057	Trần Phúc Hưng	18/08/2005	CCQ2305B	757	Hung	7,8	8,6	8,3
19	2123050011	Huỳnh Tường Huy	11/10/2005	CCQ2305A	885	Huy	7,6	6,3	6,8
20	2123050004	Nguyễn Quốc Hoàng Huy	15/09/2005	CCQ2305A	532	Huy	8,4	6,1	7,0
21	2123050079	Phùng Nhất Huy	30/07/2005	CCQ2305B	885	Huy	5,9	8,0	7,2
22	2123050074	Nguyễn Văn Kha	13/07/2004	CCQ2305B	609	Kha	7,9	4,1	5,6
23	2123050178	Trần Duy Khang	20/08/2004	CCQ2305A	757	Khang	8,1	6,6	7,2
24	2123050077	Đỗ Minh Khoa	15/01/2005	CCQ2305B	885	Khoa	8,1	6,0	6,9
25	2123050083	Nguyễn Trần Đăng Khoa	30/08/2005	CCQ2305B	532	Khoa	7,8	8,4	8,2
26	2123050015	Đỗ Tuấn Kiệt	20/04/2005	CCQ2305A	609	Kiet	9,1	7,9	8,4
27	2123050089	Huỳnh Văn Lâm	10/10/2005	CCQ2305B	757	Lam	7,5	7,0	7,2
28	2123050073	Lâm Gia Long	20/04/2005	CCQ2305B	885	Long	8,5	8,4	8,4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Đỗ Phú Nam Nguyễn Ngọc An Thy Lưu Văn Trung Hào Ng T. Hào

Môn học: Khí cụ điện (22829401)
Ngày thi: 09/11/2023
Giờ thi: 7g30
Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 32
Số bài thi: 32
Số tờ giấy thi: 32

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2123050052	Nguyễn Thành	Luân	05/09/2005	CCQ2305B	532		8.1	3.6	4.2
30	2123050078	Bùi Đình	Luật	20/10/2002	CCQ2305B	885		9.0	8.0	8.4
31	2123050020	Đạt Ngọc	Lý	15/05/2005	CCQ2305A	575		9.2	7.9	8.4
32	2123050007	Vũ Văn	Mạnh	25/09/2005	CCQ2305A	609		8.4	7.3	7.7
33	2120240108	Hồ Lê Hoàng	Nam	13/09/2002	CCQ2005D	609		8.3	9.1	8.8
34	2123050069	Bùi Đại	Nghĩa	12/08/1998	CCQ2305B	532		8.9	8.0	8.3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Khí cụ điện (22829401)

Ngày thi: 09/11/2023

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

Đu
Đ.H. Dương Văn Tuấn
Trần Tuy
Thư
Hau
Ngô Thu' Hanh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Nghề	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123050053	Đình Quang	Nghề	23/08/2005	CCQ2305B	757	Nghiep	9.8	6.7	7.8
2	2123050070	Phạm Trọng	Nhân	15/07/2005	CCQ2305B	885	Tran	8.1	5.7	6.6
3	2120050084	Lê Văn	Nhất	01/01/2002	CCQ2005C	532	Nhat	5.7	6.8	6.3
4	2123050194	Hán Ngọc	Phiếu	17/03/2005	CCQ2305B	609	Han	7.8	7.9	7.8
5	2123050051	Bùi Hải	Phong	10/02/2005	CCQ2305B	757	Phong	8.0	5.3	6.4
6	2123050063	Cao Xuân	Phong	24/10/2005	CCQ2305B	885	Phong	8.8	6.9	7.2
7	2123050033	Phạm Đình	Phúc	23/09/2005	CCQ2305A			0		
8	2123050091	Trần Anh	Quân	26/12/2005	CCQ2305B	609	Quân	8.6	4.9	6.4
9	2123050032	Phạm Minh	Qui	03/03/2004	CCQ2305A	757	Qui	9.2	9.4	9.3
10	2123050028	Nguyễn Minh	Sang	03/06/2005	CCQ2305A	885	Sang	9.1	5.9	7.2
11	2123050067	Nguyễn Đoàn Trường	Son	28/10/2005	CCQ2305B	532	Son	7.5	7.7	7.6
12	2123050009	Nguyễn Thái	Son	02/06/2005	CCQ2305A	609	Son	8.5	8.2	8.3
13	2123050055	Trần Thanh	Tâm	30/10/2005	CCQ2305B	757	Tam	6.9	4.3	5.4
14	2123050045	Hồ Thanh	Tấn	10/08/2005	CCQ2305A	885	Tan	8.2	8.6	8.4
15	2123050040	Võ Chí	Thanh	06/03/2005	CCQ2305A	532	Thanh	5.3	3.4	4.1
16	2123050034	Phạm Hoàn	Thiện	19/01/2005	CCQ2305A	609	Thien	5.2	3.9	4.4
17	2123050075	Nguyễn Hoài	Thịnh	08/05/2005	CCQ2305B	757	Thinh	6.3	7.0	6.7
18	2123050068	Nguyễn Trung	Thoại	07/01/2005	CCQ2305B	885	Thoai	8.6	7.4	7.9
19	2123050059	Cao Thiên	Thông	10/04/2005	CCQ2305B	532	Thong	8.3	8.2	8.2
20	2123050185	Nguyễn Chí	Thông	17/08/2002	CCQ2305A	609	Thong	8.0	7.7	7.8
21	2123050039	Trương Truyền	Thông	14/07/2005	CCQ2305A			1.2		
22	2123050047	Nguyễn	Toàn	21/04/2005	CCQ2305A	885	Toan	6.5	6.24	6.4
23	2123050056	Nguyễn Công	Tri	28/06/2005	CCQ2305B	532	Tri	8.4	4.9	6.3
24	2123050042	Nguyễn Văn	Tri	24/08/2005	CCQ2305A	609	Tri	6.8	4.3	5.0
25	2123050030	Trần Hưng	Trung	23/07/2005	CCQ2305A	757	Trung	7.7	8.9	8.4
26	2123050029	Kiểu Đan	Trường	18/06/2005	CCQ2305A	885	Truong	6.3	5.9	6.0
27	2120050124	Lê Vũ	Trường	17/11/2002	CCQ2005D			0.4		
28	2123050005	Nguyễn Huy	Tú	31/08/2005	CCQ2305A	609	Tu	6.8	6.0	6.3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Khí cụ điện (22829401)

Ngày thi: 09/11/2023

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt:.....29

Số bài thi:29...

Số tờ giấy thi:..29

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP
29	2123050031	Hồ Việt Quốc	Tuấn	27/11/2005	CCQ2305A		0,6		
30	2123050066	Lê Anh	Tuấn	22/08/2005	CCQ2305B	885	9,2	5,6	7,0
31	2123050081	Tô Quốc	Tuyển	13/09/2005	CCQ2305B		0,6		
32	2123050071	Nguyễn Anh	Văn	29/04/2005	CCQ2305B	609	6,5	4,8	5,4
33	2123050027	Nguyễn Triệu	Vỹ	28/11/2005	CCQ2305A	757	9,0	7,0	7,8
34	2123050049	Nguyễn Công	Ý	14/07/2005	CCQ2305B	895	8,3	4,3	5,9